

Số: 01b/QĐ-THHL

Him Lam, ngày 03 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai danh sách giáo viên dạy học sinh khuyết tật học
kỳ I năm học 2024 – 2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng trường Tiểu học được quy định tại Điều 11 Điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 396/QĐ-PGDĐT ngày 31/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ về việc Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ chế độ giáo viên lớp dạy có học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP Kỳ I năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của Bộ phận kế toán trường Tiểu học Him Lam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai danh sách giáo viên lớp dạy có học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP Kỳ I năm học 2024-2025.

Thời gian công khai: Từ ngày 03/01/2025 đến ngày 02/02/2025.

Hình thức công khai: Bảng tin trường, Website trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, các tổ trưởng chuyên môn, văn phòng, trưởng các đoàn thể, Bộ phận kế toán, Tổ công khai chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.



Nguyễn Thị Bích

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM

**BẢNG NHU CẦU KINH PHÍ ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN DẠY HỌC SINH KHUYẾT TẬT
NĂM 2024**

(Theo nghị định Số: 28/2012/NĐ-CP, ngày 10 tháng 04 năm 2012 của chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật)

STT	Họ và tên	Hệ số lương và hệ số phụ cấp									Tổng số giờ/năm			Tiền lương 1 giờ dạy	Hệ số được hưởng theo quy định	Số giờ thực tế được phân công dạy HS khuyết tật trong năm học		Tổng tiền được hưởng	Ghi chú
		Lương ngạch bậc	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp thâm niên nghề		Tổng hệ số	Mức lương tối thiểu (từ T7/2024)	Số tháng	Tổng tiền lương 12 tháng trong năm học						Định mức số tuần dành cho giảng	Định mức số giờ/tuần dành cho giảng dạy		
					Tỷ lệ %	Hệ số													
A	B	1	2	3	3	4	6	7	8	9			10	11=(9/10)*(35 tuần dạy/52 tuần năm)	12	13=(số giờ thực tế/tuần x 18 tuần)	14=(số tiết thực tế/tuần x 17 tuần)	15=(11*12*13)+(11*12*14)	16
1	Vũ Thị Đoan	4,34	0,15	0,50	21%	0,94	5,93	2.340.000	12	166.595.832	35	23	805	139.294	0,2	414		11.533.558	T9/2024 - 12/2024
2	Hoàng Thị Thanh	4,34		0,50	19%	0,82	5,66	2.340.000	12	159.061.968	35	18	805	132.995	0,2	324		8.618.073	T9/2024 - 12/2024
3	Trần Thị Thảo	4,00		0,50	16%	0,64	5,14	2.340.000	12	144.331.200	35	3	805	120.678	0,2	54		1.303.325	T9/2024 - 12/2024
4	Thắm Thị Xuân	4,00		0,50	17%	0,68	5,18	2.340.000	12	145.454.400	35	2	805	121.617	0,2	36		875.645	T9/2024 - 12/2024
5	Nguyễn Thị Thùy Vân	4,00		0,50	16%	0,64	5,14	2.340.000	12	144.331.200	35	1	805	120.678	0,2	18		434.442	T9/2024 - 12/2024
6	Phạm Thị Hiền	3,33		0,50	8%	0,27	4,10	2.340.000	12	115.026.912	35	4	805	96.176	0,2	72		1.384.939	T9/2024 - 12/2024
7	Trịnh Thị Thu	3,33		0,50	10%	0,33	4,16	2.340.000	12	116.897.040	35	1	805	97.740	0,2	18		351.864	T9/2024 - 12/2024
8	Đào Anh Tuấn	3,99		0,50	17%	0,68	5,17	2.340.000	12	145.125.864	35	2	805	121.343	0,2	36		873.667	T9/2024 - 12/2024
9	Phạm Thị Nhung	5,02		0,50	21%	1,05	6,57	2.340.000	12	184.603.536	35	4	805	154.351	0,2	72		2.222.651	T9/2024 - 12/2024
10	Lại Hữu Toàn	3,00		0,50	9%	0,27	3,77	2.340.000	12	105.861.600	35	6	805	88.513	0,2	108		1.911.882	T9/2024 - 12/2024

11	Nguyễn Thị Liên	4,68	0,15	0,50	23%	1,11	6,44	2.340.000	12	180.860.472	35	23	805	151.221	0,2	414		12.521.110	T9/2024 - 12/2024
12	Nguyễn Thị Hương	4,68		0,50	21%	0,98	6,16	2.340.000	12	173.051.424	35	3	805	144.692	0,2	54		1.562.672	T9/2024 - 12/2024
TỔNG		48,71	0,30	6,00		8,42	63,43			1.781.201.448								43.593.828	

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Lanh

Him Lam, ngày 02 tháng 12 năm 2024



Nguyễn Thị Bích